

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ
KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ trình bày báo cáo hàng năm của mình cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tư cách pháp nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500757072 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 09 tháng 08 năm 2006 (Số ĐKKD cũ: 4903000278). Thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính đặt tại địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn

Vốn điều lệ của Công ty: 29.000.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ đồng). Tổng số vốn này được chia thành 2.900.000 (Hai triệu chín trăm ngàn) cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Cơ cấu vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư bao gồm :

STT	Cơ cấu vốn	Tỷ lệ %	Số lượng	Giá trị (VND)
1	Công ty TNHH SX Vôi - TM - DV Thống Nhất <i>Đại diện: - Ông Hoàng Văn Lợi</i>	33,8%	980.000	9.800.000.000
2	Tổng công ty Thép Việt Nam <i>Đại diện: - Ông Vũ Xuân Trường</i> <i>- Ông Nguyễn Đình Phúc</i>	24,1%	700.000	7.000.000.000
		14,5%	420.000	4.200.000.000
		9,6%	280.000	2.800.000.000
3	Ông Hoàng Mạnh Hùng	5,5%	158.950	1.589.500.000
4	Ông Trương Diên Đồng	2,6%	75.000	750.000.000
5	Cổ đông khác (3171 cổ đông)	34,0%	986.050	9.860.500.000
Tổng cộng		100%	2.900.000	29.000.000.000

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500757072 thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp bao gồm:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Mua bán sắt thép phế liệu (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi đã có đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường)
- Mua bán than đá
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm vôi, hợp kim sắt (sắt silic, sắt mangan, sắt crom), đất đèn, hồ điện cực, que hàn, gạch chịu lửa dùng cho ngành luyện kim; vật liệu xây dựng, các sản phẩm thép (thép xây dựng, dây thép, lưới thép, đinh thép);
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa bằng xe liên tỉnh, nội tỉnh;
- Vận tải ven biển (tàu thủy, xà lan);
- Cho thuê kho bãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty

Thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Hội Đồng Quản Trị

Ông : Hoàng Văn Lợi

Ông : Vũ Xuân Trường

Ông : Nguyễn Đình Phúc

Ông : Trương Diên Đồng

Ông : Phạm Văn Minh

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ban Điều Hành

Ông : Vũ Xuân Trường

Ông : Huỳnh Kim Khánh

Ông : Đào Xuân Hải

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ban Kiểm Soát

Ông : Nguyễn Phước Hải

Ông : Ngô Thế Hiển

Bà : Lê Diệu Thúy

Trưởng Ban kiểm soát

Ủy viên ban kiểm soát

Ủy viên ban kiểm soát

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính sau kiểm toán đã được Ban Điều hành Công ty phê chuẩn.

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP (IAC) đã thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ.

Công bố trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty đối với báo cáo tài chính

Chúng tôi chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính đính kèm với nội dung của các báo cáo này đã được soạn thảo đúng đắn và phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào thời điểm trên. Các báo cáo tài chính của Công ty được soạn lập theo quy ước giá gốc, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 05/03/14 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tính hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và những quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500757072 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 5 năm 2011 là 29.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến 31 tháng 12 năm 2013 chỉ tiêu "Vốn đầu tư của chủ sở hữu" trên sổ sách của công ty ghi nhận 73.152.985.380 đồng do trong năm đơn vị tiến hành tăng Vốn điều lệ theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 11 năm 2012 và đang tiến hành các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận doanh nghiệp.

KIỂM TOÁN VIÊN ĐIỀU HÀNH

CTY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.136.011.645	78.650.228.316
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		5.313.767.548	20.622.760.668
Tiền	111	V.01	5.313.767.548	20.622.760.668
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	24.700.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		-	24.700.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	16.419.022.837	15.097.541.274
Phải thu của khách hàng	131	V.03a	4.963.914.629	4.269.204.371
Trả trước cho người bán	132	V.03b	11.483.038.208	10.812.068.103
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	V.03c	-	16.268.800
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(27.930.000)	-
Hàng tồn kho	140		23.041.492.524	17.997.539.252
Hàng tồn kho	141	V.04	23.041.492.524	17.997.539.252
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.361.728.736	232.387.122
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.902.144	159.919.870
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.349.826.592	56.627.252
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	-	15.840.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.920.870.311	30.259.729.718
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		104.876.470.311	30.252.529.718
TSCĐ hữu hình	221	V.06	26.599.754.288	29.710.998.813
Nguyên giá	222		42.218.744.650	42.390.677.942
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.618.990.362)	(12.679.679.129)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
TSCĐ vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	78.276.716.023	541.530.905
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		44.400.000	7.200.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		37.200.000	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		7.200.000	7.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157.056.881.956	108.909.958.034

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		81.180.381.758	29.419.590.360
Nợ ngắn hạn	310		35.240.231.078	29.419.590.360
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	19.176.433.693	21.413.648.482
Phải trả cho người bán	312	V.09	15.092.206.373	6.989.931.986
Người mua trả tiền trước	313	V.10	67.891.000	102.389.750
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	100.163.105	426.128.078
Phải trả công nhân viên	315		312.660.971	273.720.824
Chi phí phải trả	316	V.12	54.545.455	54.545.455
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	-	336.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		436.330.481	158.889.785
Nợ dài hạn	330		45.940.150.680	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	V.14	45.940.150.680	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.876.500.198	79.490.367.674
Vốn chủ sở hữu	410	V.15	75.876.500.198	79.490.367.674
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.152.985.380	73.152.985.380
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(200.042.472)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		839.702.630	574.637.630
Quỹ dự phòng tài chính	418		544.775.520	332.723.520
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.539.079.140	5.430.021.144
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157.056.881.956	108.909.958.034

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản thuê ngoài			-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
Ngoại tệ các loại (USD)			-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mẫu số B02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	64.716.526.740	82.225.739.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10 = 01 - 02)	10	VI.03	64.716.526.740	82.225.739.561
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	58.482.426.474	69.891.670.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		6.234.100.266	12.334.068.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.888.699.019	208.092.164
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	1.927.689.011	2.287.880.844
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.927.689.011	2.287.880.844
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	1.165.261.313	1.477.057.300
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	3.426.965.183	3.544.556.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 -22) - (24 + 25)]	30		1.602.883.778	5.232.666.067
11. Thu nhập khác	31		1.221.000	7.088.163
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.221.000	7.088.163
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.604.104.778	5.239.754.230
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		80.205.239	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		1.523.899.539	5.239.754.230
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		179	616

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2013

Mẫu số B03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.604.104.778	5.239.754.230
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.939.311.233	3.029.771.926
- Các khoản dự phòng	03		27.930.000	(15.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(200.042.472)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(81.033.014.354)	(208.092.164)
- Chi phí lãi vay	06		1.927.689.011	2.287.880.044
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(74.734.021.804)	10.334.314.036
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.626.770.903)	(10.219.518.387)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.043.953.272)	872.196.275
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		7.254.150.597	(3.042.659.938)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		110.817.726	(158.391.310)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.927.689.011)	(2.287.880.044)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18.682.330)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	7.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(308.354.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(82.986.148.997)	(4.803.093.913)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		1.581.063.508	(647.330.905)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(37.000.000.000)	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		61.700.000.000	(37.200.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.500.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.888.699.020	208.092.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.169.762.528	(25.139.238.741)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2013

Mẫu số B03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	44.152.985.380
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		92.759.550.408	41.902.446.987
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(49.056.614.517)	(36.084.744.771)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.195.542.542)	(3.351.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		39.507.393.349	46.619.387.596
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.308.993.120)	16.677.054.942
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.622.760.668	3.945.705.726
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70		5.313.767.548	20.622.760.668

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500757072 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 09 tháng 08 năm 2006 (Số ĐKKD cũ: 4903000278). Thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính đặt tại địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ của Công ty: 29.000.000.000 VND (Hai mươi chín tỷ đồng)

2. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500757072 thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp bao gồm:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Mua bán sắt thép phế liệu (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi đã có đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường)

- Mua bán than đá

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm vôi, hợp kim sắt (sắt silic, sắt mangan, sắt crom), đất đèn, hồ điện cực, que hàn, gạch chịu lửa dùng cho ngành luyện kim; vật liệu xây dựng, các sản phẩm thép (thép xây dựng, dây thép, lưới thép, đinh thép);

- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;

- Vận chuyển hàng hóa bằng xe liên tỉnh, nội tỉnh;

- Vận tải ven biển (tàu thủy, xà lan);

- Cho thuê kho bãi.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: *Bình quân gia quyền*

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *Kê khai thường xuyên*

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	03-05

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

8. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Đối với dự án Nhà máy Sản xuất vôi và phụ liệu sản xuất thép tại KCN Phú Mỹ I: Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 (bảy) năm tiếp theo. Thuế suất 10% áp dụng trong 15 (mười lăm) năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2013 là năm thứ năm Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế và là năm đầu tiên giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Đối với các ngành nghề kinh doanh dịch vụ khác: Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 8 (tám) năm tiếp theo. Thuế suất 15% áp dụng trong 12 (mười hai) năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp- kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền mặt tại quỹ	617.863.042	791.843.891
Tiền gửi ngân hàng	4.695.904.506	19.830.916.777
Tiền gửi VND	4.695.904.506	19.830.916.777
+ Ngân hàng Vietcombank	4.695.904.506	19.830.916.777
+ Ngân hàng Indovina	-	-
Tổng cộng	5.313.767.548	20.622.760.668

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
Đầu tư ngắn hạn	-	24.700.000.000
Tổng cộng	-	24.700.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
a. Phải thu khách hàng		
Công ty Thép Miền Nam	2.140.532.592	2.787.950.880
Xí nghiệp XD & SXCN - Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 5	277.186.429	502.659.019
Công Ty CP Thép Thủ Đức	1.040.410.800	381.320.940
Cơ Sở Vôi Hồng Anh	150	41.580.000
Hoàng Nghĩa Điền	182.560.732	121.736.432
Nguyễn Tấn Quốc(Son)	-	11.501.300
Công ty TNHH SX-TM & DV Hồ Tuấn	763.577.250	382.555.800
Cty TNHH lê Minh Hưng	39.900.000	39.900.000
Công ty CP Đầu Tư Phan Vũ	73.699.626	-
Công ty CP Thép Biên Hòa	411.265.800	-
Khách hàng khác	34.781.250	-
Tổng cộng	<u>4.963.914.629</u>	<u>4.269.204.371</u>
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
b. Trả trước cho người bán		
Công ty CP Than Miền Nam	5.500.000.000	-
TT Tư Vấn DV Tài Nguyên Và Môi Trường	1.295.910.000	1.295.910.000
Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Độc Lập	-	30.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Maritimie Bank	-	20.000.000
Tổng công ty thép Việt Nam -CTCP (CN Miền Nam)	-	23.172.723
Trung tâm phân tích và đo đạc môi trường Phương Nam	-	40.000.000
JIANGSU PENGFEI GROUP CO	-	9.402.985.380
Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Khoa Toàn	350.000.000	
Công ty CP LiLaMa 18	1.662.682.400	
Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Nam Việt	655.591.953	
Sees Mega Co., LTD	1.872.439.176	
Khách hàng khác	146.414.679	
Tổng cộng	<u>11.483.038.208</u>	<u>10.812.068.103</u>
c. Phải thu khác		
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Bảo hiểm xã hội nộp thừa		16.268.800
Tổng cộng	<u>-</u>	<u>16.268.800</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(27.930.000)	-
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	<u>16.419.022.837</u>	<u>15.097.541.274</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC**4. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Nguyên liệu, vật liệu	19.341.657.614	14.365.933.008
Công cụ, dụng cụ	188.728.793	183.563.886
Thành phẩm	2.472.834.938	2.564.412.900
Hàng hoá	1.038.271.179	883.629.458
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>23.041.492.524</u>	<u>17.997.539.252</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>23.041.492.524</u>	<u>17.997.539.252</u>

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tạm ứng	-	15.840.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tổng cộng	<u>-</u>	<u>15.840.000</u>

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nhà cửa	10.914.945.678	-	44.436.167	10.870.509.511
Máy móc thiết bị	30.316.944.221	-	645.454.545	29.671.489.676
Phương tiện vận tải	997.185.282	645.454.545	-	1.642.639.827
Thiết bị quản lý	161.602.761	-	127.497.125	34.105.636
Tổng	<u>42.390.677.942</u>	<u>645.454.545</u>	<u>817.387.837</u>	<u>42.218.744.650</u>
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa	3.249.334.630	729.286.358	14.681.036	3.963.939.952
Máy móc thiết bị	8.731.970.246	2.072.224.129	-	10.804.194.375
Phương tiện vận tải	600.069.828	223.430.648	-	823.500.476
Thiết bị quản lý	98.304.425	10.903.684	81.852.550	27.355.559
Tổng	<u>12.679.679.129</u>	<u>3.035.844.819</u>	<u>96.533.586</u>	<u>15.618.990.362</u>
Giá trị còn lại				
Nhà cửa	7.665.611.048	-	-	6.906.569.559
Máy móc thiết bị	21.584.973.975	-	-	18.867.295.301
Phương tiện vận tải	397.115.454	-	-	819.139.351
Thiết bị quản lý	63.298.336	-	-	6.750.077
Tổng	<u>29.710.998.813</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.599.754.288</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	KC vào tài sản trong kỳ	KC giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	48.415.842.297	-	-	48.415.842.297
VP đại diện XD CB giai đoạn II	541.530.905	29.319.342.821	-	-	29.860.873.726
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	1.694.443.398	1.694.443.398	-	-
Tổng cộng	541.530.905	79.429.628.516	1.694.443.398	-	78.276.716.023

8. Vay ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
Ngân hàng Vietcombank - CN Vũng Tàu (*)	19.176.433.693	21.413.648.482
Tổng cộng	19.176.433.693	21.413.648.482

9. Phải trả người bán

	31/12/2013	31/12/2012
Công ty TNHH SX Vôi TM - DV Thống Nhất	1.434.728.191	1.704.289.773
Công ty CP Xi Măng Kiên Giang	454.512.000	1.248.248.600
Công ty TNHH Kim Thành	-	123.446.813
Công ty TNHH SXCBNS Bột Văn Thắng	1.406.933.990	1.735.390.800
Công ty TNHH Lê Phạm	2.105.801.720	1.896.229.500
Công ty TNHH TM DV Trường Ngọc	49.831.100	68.024.000
Công ty TNHH DV VT Trung Việt	-	214.302.500
Công ty CP Đầu tư Phan Vũ	1.184.012.274	-
DNTN sản xuất Hải Sơn	149.068.920	-
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings	500.463.811	-
Jiangsu Pengfei Group CO	7.598.023.884	-
Khách hàng khác	208.830.483	-
Tổng cộng	15.092.206.373	6.989.931.986

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	31/12/2012
Cơ sở vôi Nga-Ngô Thị Nga	-	168.150
Cơ sở vôi Đại Cát-Quách Thanh Phc	-	250
DNTN Phân Bón và xăng dầu Hùng Diệp	67.571.350	67.571.350
Nguyễn Quốc Bảo	-	34.650.000
Khách hàng khác	319.650	-
Tổng cộng	67.891.000	102.389.750

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (*)

	31/12/2013	31/12/2012
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	396.230.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.522.909	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Thuế thu nhập cá nhân	38.640.196	29.897.671
Tổng cộng	100.163.105	426.128.078

(*)Số thuế phải nộp thực tế sẽ do cơ quan thuế quyết toán. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

12. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
Phí dịch vụ trích trước	54.545.455	54.545.455
Tổng cộng	54.545.455	54.545.455

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
Phải thu khác	-	336.000
Tổng cộng	-	336.000

14. Các khoản vay dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
Vay dài hạn	45.940.150.680	-
Ngân hàng TM CP Ngoại Thương Việt Nam - CN Vũng Tàu(*)	45.940.150.680	-
Tổng cộng	45.940.150.680	-

(*) **Hợp đồng tín dụng số VCBVT-TTM/ĐTDA ngày 22 tháng 11 năm 2012**

Hạn mức : 70.000.000.000 VND

Thời hạn vay : 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau + Lãi suất biên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh ba tháng một lần kể từ Ngày giải ngân đầu tiên.

Mục đích vay: Sử dụng tiền vay để thanh toán tiền mua mới thiết bị, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan khác ... để phục vụ cho việc đầu tư dự án Xây dựng công trình Dây chuyền sản xuất vôi 2 công suất 100.000 tấn/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản thuộc dự án, Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

15. Tình hình góp vốn điều lệ:**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	29.000.000.000	211.400.000	105.700.000	4.540.470.394	33.857.570.394
Tăng vốn trong năm trước	44.152.985.380	-	-	-	44.152.985.380
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.239.754.230	5.239.754.230
Tăng khác	-	363.237.630	227.023.520	-	590.261.150
Giảm khác	-	-	-	(4.350.203.480)	(4.350.203.480)
Số dư cuối năm trước	73.152.985.380	574.637.630	332.723.520	5.430.021.144	79.490.367.674
Số dư đầu năm nay	73.152.985.380	574.637.630	332.723.520	5.430.021.144	79.490.367.674
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.523.899.539	1.523.899.539
Tăng khác	-	265.065.000	212.052.000	-	477.117.000
Giảm khác	-	-	-	(5.614.884.015)	(5.614.884.015)
Số dư cuối năm nay	73.152.985.380	839.702.630	544.775.520	1.339.036.668	75.876.500.198

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu đến 31 tháng 12 năm 2013

STT	Tên thành viên	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH SX Vôi TM - DV Thống Nhất <i>Đại diện : Hoàng Văn Lợi</i>	29.798.620.000	40,7%
2.	Tổng Công ty Thép Miền Nam <i>Đại diện : Vũ Xuân Trường Nguyễn Đình Phúc</i>	21.250.000.000	29,0%
3.	Công ty CP thép POMINA	9.402.985.380	12,9%
4.	Trương Diên Đồng	1.252.380.000	1,7%
5.	Hoàng Mạnh Hùng	1.589.500.000	2,2%
6.	Cổ đông khác	9.859.500.000	13,5%
	Tổng cộng	73.152.985.380	100%

c. Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.500.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	7.315.299	7.315.299
- Cổ phiếu phổ thông	7.315.299	7.315.299
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.315.299	7.315.299
- Cổ phiếu phổ thông	7.315.299	7.315.299
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

(*) Đơn vị đang thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để tăng Vốn điều lệ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

		Đơn vị tính : VND	
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa		64.649.527.080	82.225.739.561
Doanh thu cung cấp dịch vụ		66.999.660	-
Tổng cộng		<u>64.716.526.740</u>	<u>82.225.739.561</u>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:		-	-
3. Doanh thu thuần		<u>64.716.526.740</u>	<u>82.225.739.561</u>
4. Giá vốn hàng bán			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp		19.228.745.951	18.983.856.302
Giá vốn thành phẩm (vôi cục) đã bán		31.505.761.833	45.690.912.479
Giá vốn của thứ phẩm (vôi bột)		7.747.918.690	5.216.901.990
Tổng cộng		<u>58.482.426.474</u>	<u>69.891.670.771</u>
5. Doanh thu hoạt động tài chính			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		1.888.699.019	208.092.164
Tổng cộng		<u>1.888.699.019</u>	<u>208.092.164</u>
6. Chi phí tài chính			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay		1.927.689.011	2.287.880.844
Chi phí tài chính khác		-	-
Tổng cộng		<u>1.927.689.011</u>	<u>2.287.880.844</u>
7. Chi phí bán hàng			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.165.261.313	1.477.057.300
Tổng cộng		<u>1.165.261.313</u>	<u>1.477.057.300</u>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên		1.710.439.809	2.001.378.287
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		262.539.124	209.219.128
Chi phí công cụ, đồ dùng		60.415.104	72.231.108
Chi phí khấu hao TSCĐ		176.268.969	187.107.468
Thuế, phí lệ phí		24.009.280	14.023.000
Chi phí dự phòng		27.930.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài		159.938.721	146.733.784
Chi phí bằng tiền khác		1.005.424.176	913.863.968
Tổng cộng		<u>3.426.965.183</u>	<u>3.544.556.743</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

9. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Khác	1.221.000	7.088.163
Tổng cộng	1.221.000	7.088.163

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.517.086.580	38.912.793.475
Chi phí nhân công	3.664.966.488	4.628.882.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.939.311.233	3.029.771.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.642.874.374	5.676.499.249
Chi phí bằng tiền khác	2.559.116.781	2.924.758.102
Tổng cộng	39.323.355.456	55.172.704.760

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Giá trị - VND
Công ty TNHH SX Với TM - DV Thống Nhất	Công ty liên kết	Mua hàng	7.043.786.086
Công ty Thép Miền Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	42.442.457.618

Vào thời điểm lập Bảng Cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan được thể hiện như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Khoản phải thu (phải trả)- VND
Công ty TNHH SX Với TM - DV Thống Nhất	Công ty liên kết	Mua hàng	(1.434.728.191)
Công ty Thép Miền Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	2.140.532.592

3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	66,80%	27,78%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	33,20%	72,22%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
đã cập nhật theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

- Nợ phải trả / Tổng Nguồn vốn	51,69%	27,01%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng Nguồn vốn	48,31%	72,99%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,93	3,70
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,48	2,67
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,15	0,70
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	2,48%	6,37%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	2,48%	6,37%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	1,02%	4,81%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,97%	4,81%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	2,11%	6,59%

4, Những thông tin khác**Thông tin so sánh**

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám Đốc**